

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 131

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:

Sáng: Hủ tiếu bò kho, khoai lang, khoai tây, hành tây, giá, sả cây, hạt cà ri, rau húng quế, nước dừa
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt heo kho đậu hũ, nấm rơm
- Canh cải thảo nấu thịt gà
- Rau dền luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Bún cua biển, bông cải xanh, nấm đùi gà, bí ngòi, xà lách

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,800	3,140	56,520
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,180	75,240
5	0004	Gạo tẻ máy	7,400	2,560	189,440
6	0120	Hành lá (hành hoa)	350	5,360	18,760
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,820	22,050
8	0185	Tỏi ta	100	7,350	7,350
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	100	5,780	5,780
10	N0755	Hủ tiếu	2,200	4,290	94,380
11	0286	Thịt bò loại II	1,200	36,750	441,000
12	0037	Khoai tây	600	3,890	23,340
13	0031	Khoai lang	600	4,100	24,600
14	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
15	0118	Giá đậu xanh	400	2,520	10,080
16	N0754	Sả cây	150	2,840	4,260
17	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
18	0537	Nước dừa non tươi	1,500	3,890	58,350
19	N0861	Dầu màu điều	70	42,900	30,030
20	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,800	21,320	383,760
21	N0770	Thịt nạc dăm	1,100	18,800	206,800
22	0211	Nấm rơm	600	13,130	78,780
23	N0809	Đậu hũ chiên	2,500	3,800	95,000
24	0191	Cải thảo	3,300	5,460	180,180
25	0124	Hẹ lá	150	4,520	6,780

26	N0772	Thịt ức gà	1,300	12,920	167,960
27	N0768	Rau dền trắng	1,100	4,200	46,200
28	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	2,200	4,950	108,900
29	N0810	Thịt cua tươi	900	91,850	826,650
30	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	500	8,610	43,050
31	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	500	6,090	30,450
32	0635	Nấm đùi gà	300	9,560	28,680
33	0172	Rau xà lách	400	5,460	21,840
34	0455	Sữa chua	6,550	9,440	618,320
35	0457	Sữa bột toàn phần	4,162.36	20,500	853,284
Tổng cộng					4,846,999

Tổng tiền thực phẩm	4,846,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,846,998
Số dư đầu ngày	-2
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	34,521,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	34,521,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan